

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành quy định về công nhận và quản lý nghề truyền thống,  
làng nghề, làng nghề truyền thống tỉnh Hà Nam**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM**

Căn cứ Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 66/2006/NĐ-CP ngày 07 tháng 7 năm 2006 của Chính phủ về phát triển ngành nghề nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 116/2006/TT-BNNPTNT ngày 18 tháng 12 năm 2006 của Bộ nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 66/2006/NĐ-CP ngày 07 tháng 7 năm 2006 của Chính phủ về phát triển ngành nghề nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 46/2011/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2011 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về bảo vệ môi trường làng nghề;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 122 ngày 5 tháng 8 năm 2015,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy định về công nhận và quản lý nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống tỉnh Hà Nam”.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký, thay thế Quyết định số 03/2014/QĐ-UBND ngày 23 tháng 01 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Quy chế xét công nhận làng nghề tỉnh Hà Nam.

**Điều 3.** Chánh văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công Thương, Tài chính, Kế hoạch và đầu tư, Tài nguyên và Môi trường; Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Khoa học và Công nghệ, Nội vụ; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

**Nơi nhận:**

- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- TTTU, TT HĐND tỉnh;
- Đ/c Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Cục KT văn bản- Bộ Tư pháp;
- Như điều 3;
- LĐVP, các CV liên quan;
- Lưu VT, NN.

C-NN/2015



**Nguyễn Xuân Đông**

## QUY ĐỊNH

Về công nhận và quản lý nghề truyền thống,  
làng nghề, làng nghề truyền thống tỉnh Hà Nam  
(Ban hành kèm theo Quyết định số: **24** / 2015/QĐ-UBND  
ngày **06** tháng **10** năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

### Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

#### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về nội dung, tiêu chí, trình tự thủ tục công nhận và quản lý nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống trên địa bàn tỉnh Hà Nam.

#### Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài trực tiếp đầu tư phát triển sản xuất, dịch vụ ngành nghề nông thôn trên địa bàn tỉnh Hà Nam (sau đây gọi là *tổ chức cá nhân*) bao gồm;

- a) Doanh nghiệp nhỏ và vừa thành lập, hoạt động theo Luật Doanh nghiệp;
- b) Hợp tác xã thành lập, hoạt động theo Luật Hợp tác xã;
- c) Hộ kinh doanh cá thể đăng ký theo quy định của pháp luật về đăng ký kinh doanh.

2. Các làng nghề, cụm cơ sở ngành nghề nông thôn.

3. Các cơ quan quản lý Nhà nước, các tổ chức, cá nhân có liên quan tới việc công nhận và quản lý nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống.

#### Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. *Nghề truyền thống* là nghề đã được hình thành từ lâu đời, tạo ra những sản phẩm độc đáo, có tính riêng biệt, được lưu truyền và phát triển đến ngày nay hoặc có nguy cơ bị mai một, thất truyền.

2. *Làng nghề* là một hoặc nhiều cụm dân cư cấp thôn, làng hoặc các điểm dân cư tương tự trên địa bàn một xã, phường, thị trấn có các hoạt động ngành nghề nông thôn, sản xuất ra một hoặc nhiều loại sản phẩm khác nhau.

3. *Làng nghề truyền thống* là làng nghề có nghề truyền thống được hình thành từ lâu đời.

#### Điều 4. Mục đích công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống

1. Ghi nhận những đóng góp và tôn vinh những sản phẩm đặc trưng của nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống.

2. Khuyến khích, động viên nhân dân địa phương tích cực tham gia hoạt động sản xuất, nâng cao ý thức, trách nhiệm xây dựng, phát triển nghề truyền

thống, làng nghề, làng nghề truyền thống; góp phần giải quyết việc làm, tăng thu nhập, xóa đói giảm nghèo cho lao động địa phương.

3. Khuyến khích, động viên thợ thủ công trong các làng nghề có trình độ cao về tay nghề và kinh nghiệm trong sản xuất: Nghiên cứu, sáng tác, phục hồi, phục chế các sản phẩm và du nhập nghề mới, sản xuất ra nhiều sản phẩm có giá trị kinh tế, kỹ thuật và mỹ thuật cao mang đậm bản sắc văn hóa dân tộc, phục vụ tiêu dùng và xuất khẩu.

4. Nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước lĩnh vực ngành nghề nông thôn, góp phần thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng Nông thôn mới.

#### **Điều 5. Các hoạt động ngành nghề nông thôn thuộc làng nghề, làng nghề truyền thống, bao gồm**

1. Chế biến, bảo quản nông, lâm, thủy sản.
2. Sản xuất vật liệu xây dựng, đồ gỗ, mây tre đan, gốm sứ, thủy tinh, dệt may, cơ khí nhỏ.
3. Xử lý, chế biến nguyên vật liệu phục vụ sản xuất ngành nghề nông thôn.
4. Sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ.
5. Gây trồng và kinh doanh sinh vật cảnh.
6. Xây dựng, vận tải trong nội bộ xã, liên xã và các dịch vụ khác phục vụ sản xuất, đời sống dân cư nông thôn.
7. Tổ chức đào tạo nghề, truyền nghề; tư vấn sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực ngành nghề nông thôn.

#### **Điều 6. Nguyên tắc, thẩm quyền việc xét công nhận và thu hồi giấy công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống**

##### 1. Nguyên tắc

a) Nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống chỉ được xét công nhận khi đảm bảo đầy đủ các tiêu chí theo quy định.

b) Nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống được công nhận sau 05 năm không đạt các tiêu chí theo quy định sẽ bị thu hồi giấy công nhận.

##### 2. Thẩm quyền:

Thẩm quyền xét công nhận, thu hồi giấy công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống do Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét quyết định.

#### **Điều 7. Tên của nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống**

Tên của nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống được lấy tên của nghề chính trước và tên của địa phương, tên của tổ chức cá nhân sau.

Ví dụ: Làng nghề truyền thống gốm Quyết Thành; làng nghề truyền thống sừng mỹ nghệ Đô Hai...

## Chương II

# TIÊU CHÍ, THỦ TỤC XÉT CÔNG NHẬN NGHỀ TRUYỀN THỐNG, LÀNG NGHỀ, LÀNG NGHỀ TRUYỀN THỐNG

### **Điều 8. Tiêu chí công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống**

#### **1. Tiêu chí công nhận nghề truyền thống:**

Nghề được công nhận là nghề truyền thống phải đạt 03 tiêu chí sau:

a) Nghề đã xuất hiện tại địa phương từ trên 50 năm tính đến thời điểm đề nghị công nhận;

b) Nghề tạo ra những sản phẩm mang bản sắc văn hóa dân tộc;

c) Nghề gắn tên tuổi của một hay nhiều nghệ nhân hoặc tên tuổi của làng nghề.

#### **2. Tiêu chí công nhận làng nghề:**

Làng nghề được công nhận phải đạt 04 tiêu chí sau:

a) Có tối thiểu 30% tổng số hộ trên địa bàn tham gia hoạt động các ngành nghề nông thôn;

b) Hoạt động sản xuất kinh doanh ổn định tối thiểu 02 năm tính đến thời điểm đề nghị công nhận;

c) Chấp hành tốt chính sách, pháp luật của Nhà Nước;

d) Đáp ứng các tiêu chí bảo vệ môi trường sau:

- Tất cả các cơ sở trong làng nghề đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, xác nhận Báo cáo đánh giá tác động môi trường, Bản cam kết bảo vệ môi trường, Đề án bảo vệ môi trường chi tiết, Đề án bảo vệ môi trường đơn giản; có áp dụng các biện pháp kiểm soát tiếng ồn, bụi, nhiệt, khí thải, nước thải và các biện pháp xử lý tại chỗ phù hợp; phân loại, thu gom và quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại (nếu có) theo quy định; có cam kết tuân thủ các quy định đóng góp về tài chính cho hoạt động bảo vệ môi trường nói chung và kinh phí xử lý chất thải nói riêng;

- Có kết cấu hạ tầng về bảo vệ môi trường làng nghề. Trong trường hợp làng nghề chưa có kết cấu hạ tầng về bảo vệ môi trường thì cần phải có quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt với lộ trình thực hiện cụ thể;

- Không xảy ra việc xả nước thải, khí thải, chất thải rắn và chất thải nguy hại hoặc phát sinh tiếng ồn, độ rung không đúng quy định, gây mất vệ sinh môi trường, mỹ quan tại các khu vực công cộng trong làng nghề.

\* Tiêu chí khuyến khích:

- Có tổ chức tự quản về bảo vệ môi trường;

- Có hương ước, quy ước được Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt, trong đó có nội dung bảo vệ môi trường.

#### **3. Tiêu chí công nhận làng nghề truyền thống:**

a) Làng nghề truyền thống phải đạt tiêu chí làng nghề và có ít nhất một nghề truyền thống theo quy định tại quy định này.

b) Đối với những làng chưa đạt tiêu chuẩn a, b khoản 2 điều này nhưng có ít nhất một nghề truyền thống được công nhận theo quy định tại quy định này thì cũng được công nhận là làng nghề truyền thống.

### **Điều 9. Hồ sơ công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống**

1. Hồ sơ đề nghị xét công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống

a) Hồ sơ đề nghị xét công nhận nghề truyền thống.

- Bản tóm tắt quá trình hình thành, phát triển của nghề truyền thống, có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã (*Phụ lục 1*);

- Bản sao giấy chứng nhận huy chương đã đạt được trong các cuộc thi, triển lãm trong nước và quốc tế hoặc có tác phẩm đạt nghệ thuật cao được cấp tỉnh trở lên trao tặng (*nếu có*).

Đối với những tổ chức, cá nhân không có điều kiện tham dự các cuộc thi, triển lãm hoặc không có tác phẩm đạt giải thưởng thì phải có bản mô tả đặc trưng mang bản sắc văn hóa dân tộc của nghề truyền thống.

- Bản sao giấy công nhận Nghệ nhân của cơ quan có thẩm quyền (*nếu có*).

b) Hồ sơ đề nghị xét công nhận làng nghề.

- Danh sách các hộ tham gia hoạt động ngành nghề nông thôn, có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã (*phụ lục 2*);

- Bản tóm tắt kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh của các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động ngành nghề nông thôn trong 02 năm gần nhất (*phụ lục 3*);

- Bản xác nhận thực hiện tốt chính sách, pháp luật của Nhà nước, có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã;

- Các văn bản có nội dung liên quan đến bảo vệ môi trường theo quy định tại khoản 1 điều 7 Thông tư số 46/2011/TT-BTNMT ngày 26/12/2011 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về bảo vệ môi trường làng nghề.

c) Hồ sơ đề nghị xét công nhận làng nghề truyền thống.

- Hồ sơ đề nghị xét công nhận làng nghề truyền thống gồm: các văn bản quy định tại điểm a, b, khoản 1 điều này;

- Trường hợp đã được công nhận làng nghề, hồ sơ thực hiện theo quy định tại điểm a, khoản 1, điều này. Nếu chưa được công nhận làng nghề, nhưng có nghề truyền thống đã được công nhận, hồ sơ thực hiện theo quy định tại điểm b, khoản 1 điều này.

- Những làng chưa đạt tiêu chuẩn a, b của tiêu chí công nhận làng nghề tại khoản 2, điều 8 của Quy định này, hồ sơ gồm:

+ Hồ sơ đề nghị công nhận nghề truyền thống quy định tại điểm a, khoản 1 điều này.

+ Bản xác nhận thực hiện tốt chính sách, pháp luật của Nhà nước, có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã;

+ Các văn bản có nội dung liên quan đến bảo vệ môi trường theo quy định tại khoản 1 điều 7 Thông tư số 46/2011/TT-BTNMT ngày 26/12/2011 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về bảo vệ môi trường làng nghề.

2. Hồ sơ xét công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống của Hội đồng xét công nhận tỉnh Hà Nam bao gồm:

- Quyết định thành lập Hội đồng cấp tỉnh;
- Phiếu bầu;
- Biên bản kiểm phiếu;
- Biên bản họp Hội đồng;
- Tờ trình đề nghị công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống.

### **Điều 10. Trình tự xét công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống**

1. Tổ chức, cá nhân có nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống đạt tiêu chí tại Điều 8 của Quy định này, lập hồ sơ kèm theo đơn đề nghị công nhận gửi Ủy ban nhân dân cấp xã (*Phụ lục 04*). Hồ sơ gồm 07 bộ gửi về Ủy ban nhân dân cấp xã.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức đánh giá tiêu chí (*Phụ lục 05*) và lập hồ sơ gửi Ủy ban nhân dân cấp huyện (*Phụ lục 06*). Hồ sơ gồm 06 bộ gửi về Ủy ban nhân dân cấp huyện.

3. Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức đánh giá hồ sơ do Ủy ban nhân dân cấp xã gửi (*Phụ lục 07*), trình Ủy ban nhân dân tỉnh thông qua đơn vị tiếp nhận hồ sơ là Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Hồ sơ gồm 05 bộ gửi về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

4. Hàng năm: Hội đồng xét công nhận cấp tỉnh tổ chức xét công nhận một lần. Theo đó, Ủy ban nhân dân cấp xã tiếp nhận hồ sơ và gửi Ủy ban nhân dân cấp huyện trước ngày 30 tháng 8; Ủy ban nhân dân cấp huyện gửi hồ sơ cho Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trước ngày 30 tháng 9; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh xét công nhận trước ngày 30 tháng 11.

### **Điều 11. Thành lập Hội đồng xét công nhận**

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập Hội đồng xét công nhận, đồng thời là cơ quan thường trực của Hội đồng. Sau khi nhận hồ sơ đề nghị xét công nhận hợp lệ, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành liên quan tổ chức thẩm định, chọn những nghề, làng nghề và làng nghề truyền thống đủ tiêu chuẩn theo Điều 8, Điều 9, Điều 10 của Quy định này, báo cáo Chủ tịch Hội đồng cấp tỉnh tổ chức xét công nhận, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống.

2. Thành lập Hội đồng xét công nhận gồm:

a) Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh - Chủ tịch Hội đồng;

b) Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Phó Chủ tịch Hội đồng;

c) Lãnh đạo văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh - Ủy viên;

d) Lãnh đạo các Sở: Công thương, Nội vụ, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Văn hóa thể thao và Du lịch, Tài nguyên và Môi trường, Khoa học và Công nghệ,

Lao động Thương binh và Xã hội; Lãnh đạo Chi cục Phát triển nông thôn trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Ủy viên;

đ) Đại diện Liên minh HTX tỉnh, Hiệp hội thủ công mỹ nghệ (nếu có), và một số tổ chức cá nhân khác (nếu có) - Ủy viên.

### **Điều 12. Nhiệm vụ của Hội đồng:**

Hội đồng cấp tỉnh có nhiệm vụ tổ chức họp, xét hồ sơ đề nghị công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống; đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống.

### **Điều 13. Phương thức, cơ chế hoạt động của Hội đồng**

1. Hội đồng làm việc theo chế độ tập thể thông qua các phiên họp dưới sự chủ trì của Chủ tịch Hội đồng hoặc Phó Chủ tịch Hội đồng (khi được ủy quyền). Hồ sơ xét công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống phải gửi đến các thành viên Hội đồng trước phiên họp của Hội đồng ít nhất 03 ngày. Các thành viên Hội đồng có trách nhiệm nghiên cứu hồ sơ, chuẩn bị ý kiến thảo luận, bố trí thời gian tham dự đầy đủ các phiên họp.

2. Kỳ họp đánh giá xét công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống của Hội đồng phải có ít nhất 3/4 số thành viên tham dự.

3. Hội đồng xét công nhận thông qua hình thức bỏ phiếu kín và được thực hiện công khai, dân chủ, khách quan. Nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống được công nhận phải đạt ít nhất 2/3 số phiếu đề nghị trên tổng số thành viên có mặt tham dự phiên họp.

4. Hội đồng chỉ xem xét các hồ sơ của các tổ chức, cá nhân lập theo đúng nội dung, trình tự, thủ tục và thời gian theo quy định. Các trường hợp hồ sơ không lập đúng nội dung, trình tự và thời gian thì Hội đồng không xem xét. Hội đồng xét công nhận phải có văn bản trả lời lý do không xem xét hồ sơ.

5. Hội đồng xét công nhận hàng năm được thành lập khi có yêu cầu của các tổ chức, cá nhân đề nghị xét công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống do Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trình Ủy ban nhân dân tỉnh ra Quyết định thành lập.

## **Chương III**

### **QUYỀN LỢI VÀ NGHĨA VỤ CỦA NGHỀ TRUYỀN THỐNG, LÀNG NGHỀ, LÀNG NGHỀ TRUYỀN THỐNG ĐƯỢC CÔNG NHẬN**

#### **Điều 14. Quyền lợi**

1. Được Ủy ban nhân dân tỉnh cấp “Giấy công nhận nghề truyền thống tỉnh Hà Nam”; “Giấy công nhận làng nghề tỉnh Hà Nam”; “Giấy công nhận làng nghề truyền thống tỉnh Hà Nam”, biểu trưng và được hỗ trợ kinh phí là 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) từ nguồn kinh phí sự nghiệp ngân sách Trung ương và địa phương.

2. Được bổ sung hàng năm vào danh sách các nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống của tỉnh để lập kế hoạch đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng hàng năm do Ủy ban nhân dân tỉnh Quyết định.

3. Được bồi dưỡng, tập huấn, đào tạo phổ biến kiến thức về bảo vệ môi trường cho cộng đồng dân cư, tổ chức tự quản về bảo vệ môi trường và cán bộ quản lý môi trường cấp xã.

4. Được ưu tiên trong quá trình xét duyệt và cho vay vốn ưu đãi của các tổ chức tín dụng về môi trường.

5. Được ưu tiên trong quá trình xem xét, lựa chọn các địa điểm triển khai, tiếp nhận các mô hình xử lý chất thải cũng như các hoạt động khác từ các dự án Quốc tế, các nhiệm vụ, đề tài, dự án từ ngân sách nhà nước.

6. Được hưởng chế độ ưu đãi về khuyến công, phát triển nghề và làng nghề của tỉnh, các chính sách hiện hành của Nhà nước.

7. Các cơ sở sản xuất, kinh doanh làng nghề được hỗ trợ 100% chi phí thuế 01 gian hàng tiêu chuẩn từ nguồn kinh phí sự nghiệp ngân sách hàng năm để trưng bày các sản phẩm làng nghề khi tham gia Hội chợ, triển lãm giới thiệu sản phẩm trong nước theo kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

8. Các cơ sở sản xuất, kinh doanh làng nghề được hỗ trợ 100% chi phí thuế 01 gian hàng tiêu chuẩn và được hỗ trợ 50% kinh phí phương tiện đi lại khi tham gia Hội chợ, triển lãm ở nước ngoài từ nguồn kinh phí sự nghiệp ngân sách hàng năm để trưng bày các sản phẩm làng nghề theo kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

9. Được hưởng các cơ chế, chính sách hỗ trợ, khuyến khích đầu tư các xã xây dựng nông thôn mới của tỉnh.

10. Những tổ chức, cá nhân, làng nghề, làng nghề truyền thống có nhiều thành tích trong việc phát triển nghề, góp phần phát triển kinh tế- xã hội của địa phương, nâng cao đời sống nhân dân được Ủy ban nhân dân tỉnh tôn vinh, khen thưởng theo quy định.

### **Điều 15. Nghĩa vụ**

1. Nghiêm chỉnh chấp hành các nghĩa vụ và thực hiện đúng chủ trương đường lối của Đảng, pháp luật của nhà nước về phát triển kinh tế, Văn hóa - xã hội, phát triển nghề, làng nghề của địa phương gắn với Chương trình xây dựng Nông thôn mới của tỉnh.

2. Duy trì, xây dựng và phát triển làng nghề ổn định, bền vững, gắn với du lịch và bảo vệ môi trường làng nghề, an toàn lao động tại các cơ sở sản xuất.

3. Tích cực đầu tư, mở rộng sản xuất, cải tiến thiết bị công nghệ, ứng dụng KHKT vào sản xuất, cải tiến mẫu mã nhằm đa dạng hóa, nâng cao chất lượng sản phẩm có giá trị kinh tế, kỹ thuật, mỹ thuật ngày càng cao được thị trường ưa chuộng.

4. Tích cực mở rộng và tìm kiếm thị trường tiêu thụ sản phẩm; khai thác và phát triển bền vững vùng nguyên liệu phục vụ cho sản xuất.



5. Huy động các nghệ nhân, thợ giỏi, cá nhân, hộ gia đình tích cực tham gia công tác truyền nghề, dạy nghề cho người lao động; duy trì, phát triển làng nghề ổn định, bền vững.

6. Định kỳ báo cáo về tình hình hoạt động cho Ủy ban nhân dân cấp xã trước ngày 01 tháng 12 hàng năm.

## **Chương IV** **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **Điều 16. Phân công trách nhiệm của các Sở, ngành**

#### **1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn**

a) Là cơ quan chủ trì, tham mưu giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý nhà nước về lĩnh vực phát triển ngành nghề, làng nghề nông thôn;

b) Là cơ quan thường trực của Hội đồng xét tặng danh hiệu của tỉnh, làm đầu mối tiếp nhận hồ sơ đề nghị xét công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống và đơn thư khiếu nại (nếu có);

c) Xây dựng quy hoạch, kế hoạch, kinh phí, chương trình hỗ trợ phát triển nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống, định hướng mục tiêu hỗ trợ, xác định tiêu chí nội dung các lĩnh vực cần hỗ trợ;

d) Làm đầu mối các quan hệ hợp tác trong lĩnh vực phát triển ngành nghề nông thôn;

đ) Chủ trì phối hợp với các Sở, ngành, các tổ chức liên quan tổ chức tập huấn bồi dưỡng về pháp luật, quản trị kinh doanh, chuyên môn nghiệp vụ về chuyên ngành, văn hóa làng nghề và hội nhập kinh tế quốc tế; đào tạo nguồn nhân lực, cung cấp thông tin; bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ và các chính sách có liên quan theo quy định của Nhà nước;

e) Chủ trì tổ chức thẩm định, trình duyệt và công bố Quyết định công nhận của Ủy ban nhân dân tỉnh về nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống; phối hợp với các Sở, ngành, đoàn thể, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành cơ chế chính sách, đề xuất giải pháp phát triển ngành nghề nông thôn;

g) Giới thiệu danh sách thành viên Hội đồng xét công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống trình Ủy ban nhân dân tỉnh Quyết định;

h) Xây dựng kế hoạch kinh phí phục vụ cho công tác thẩm định, xét duyệt công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt hàng năm; tiếp nhận và quyết toán kinh phí theo quy định của pháp luật;

i) Định kỳ vào ngày 15 tháng 12 hàng năm, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm báo cáo tình hình phát triển ngành nghề nông thôn tại địa phương cũng như những khó khăn, vướng mắc và kiến nghị chính sách phát triển ngành nghề nông thôn về Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

## 2. Sở Tài nguyên và Môi trường.

a) Xác nhận các làng nghề đáp ứng đủ tiêu chí về bảo vệ môi trường kịp thời, giúp cho công tác xét công nhận hàng năm được thuận lợi;

b) Trong phạm vi chức năng nhiệm vụ của mình có trách nhiệm thực hiện, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để thực hiện tốt Quy định này.

3. Các Sở: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Công Thương, Khoa học và Công nghệ, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Lao động Thương binh và Xã hội; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp và các cơ quan liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ của mình phối hợp thẩm định, đề xuất các chính sách và bố trí kinh phí theo phân cấp để hỗ trợ nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống phát triển.

### **Điều 17. Ủy ban nhân dân cấp huyện**

1. Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, địa phương hướng dẫn các làng nghề tổ chức thực hiện bảo vệ môi trường làng nghề theo quy định của pháp luật;

2. Xây dựng quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành nghề nông thôn trên địa bàn nhằm khai thác, phát huy ngành nghề lợi thế của địa phương gắn với bảo vệ môi trường; phối hợp với các Sở, ngành, tổ chức liên quan tạo điều kiện để các làng nghề thực hiện các chính sách của Nhà nước về khuyến khích phát triển ngành nghề nông thôn.

3. Chỉ đạo các phòng, ban liên quan phối hợp với Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn rà soát nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống đủ tiêu chuẩn và tổng hợp hồ sơ gửi Ủy ban nhân dân cấp huyện để tổ chức đánh giá và tổng hợp chung.

4. Lập danh sách nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống không đủ tiêu chí gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh thu hồi giấy công nhận.

5. Báo cáo tình hình phát triển nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống trên địa bàn gửi về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp để báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trước ngày 10 tháng 12 hàng năm.

6. Trong phạm vi chức năng nhiệm vụ của mình có trách nhiệm bảo vệ môi trường làng nghề được Quy định tại điều 18, chương IV, Nghị định số 19/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 2 năm 2015 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và các quy định hiện hành.

### **Điều 18. Ủy ban nhân dân cấp xã**

1. Giúp Ủy ban nhân dân cấp huyện quản lý nhà nước đối với nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống trên địa bàn quản lý.

a) Xây dựng kế hoạch phát triển ngành nghề nông thôn phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế- xã hội của địa phương;

b) Hướng dẫn các tổ chức, cá nhân lập hồ sơ đề nghị công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống theo quy định;

c) Hướng dẫn các làng nghề, làng nghề truyền thống chấp hành tốt chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước;

d) Thường xuyên phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân cấp huyện rà soát, kiểm tra đánh giá tình hình hoạt động của các làng nghề.

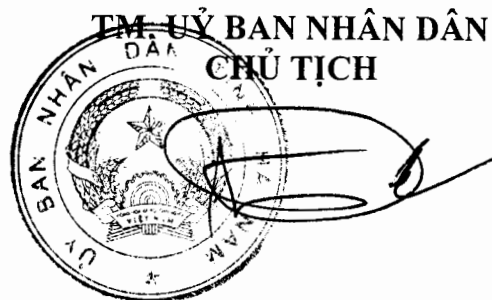
đ) Tổng hợp báo cáo tình hình phát triển nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống trên địa bàn gửi Ủy ban nhân dân huyện, thành phố trước ngày 05 tháng 12 hàng năm.

2. Trong phạm vi chức năng nhiệm vụ của mình có trách nhiệm bảo vệ môi trường làng nghề được Quy định tại điều 17, chương IV, Nghị định số 19/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 2 năm 2015 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và các quy định hiện hành.

### **Điều 19. Điều khoản thi hành**

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì phối hợp với các Sở, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, Ủy ban nhân dân cấp xã và các đơn vị liên quan hướng dẫn triển khai thực hiện Quy định này.

2. Trong quá trình tổ chức thực hiện Quy định này nếu có vướng mắc hoặc cần điều chỉnh, bổ sung, các Sở, ngành; Ủy ban nhân dân cấp huyện; Ủy ban nhân dân cấp xã; làng nghề phản ánh kịp thời về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét quyết định./. *th*



**Nguyễn Xuân Đông**



**Mẫu báo cáo quá trình hình thành và phát triển nghề truyền thống**  
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 2015/QĐ-UBND ngày tháng năm 2015*  
*của Ủy ban nhân dân tỉnh)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày.....tháng.....năm 20...

**BÁO CÁO**

**Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển nghề truyền thống**  
**Của làng.....**

Kính gửi: UBND xã (phường).....

- Tên làng:.....
- Địa chỉ:.....
- Ngành nghề sản xuất, kinh doanh:.....

Báo cáo tóm tắt quá trình hình thành, phát triển nghề truyền thống của làng.....theo một số nội dung dưới đây:

1. Nghề truyền thống của làng được hình thành từ năm.....cho đến năm.....
2. Quá trình phát triển nghề truyền thống của làng.
  - Quá trình hình thành, du nhập, phát triển nghề truyền thống của làng.
  - Số hộ, lao động tham gia làng nghề từ khi hình thành cho đến nay.
  - Các loại sản phẩm cơ bản nghề truyền thống sản xuất.
  - Thị trường tiêu thụ sản phẩm của làng nghề.
  - Một số nội dung khác như: Doanh thu chung của làng nghề; thu nhập bình quân của lao động; vốn cho hoạt động làm nghề truyền thống; công nghệ nghề truyền thống của làng đang áp dụng.
3. Ý kiến xác nhận của người cao tuổi trong làng nắm rõ về nghề truyền thống của làng (nếu có).

**XÁC NHẬN CỦA UBND XÃ (PHƯỜNG)**

**ĐẠI DIỆN LÀNG**  
*(Trưởng thôn ký, ghi rõ họ tên)*

**CHỦ TỊCH**

*(Ký ghi rõ họ tên, đóng dấu)*

*Ghi chú: Hộ cá thể có thể sử dụng biểu mẫu này.*

**Phụ lục 02**

**Mẫu báo cáo danh sách hộ tham gia làng nghề**

(Ban hành kèm theo Quyết định số /2015/QĐ-UBND ngày tháng năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.....tháng.....năm 20...

DANH SÁCH HỘ THAM GIA LÀM NGHỀ.....  
CỦA LÀNG .....

1. Địa chỉ:.....
2. Tổng số hộ của làng.....:..... (hộ).
3. Số hộ trong làng tham gia làm nghề.

STT	Họ và tên chủ hộ có tham gia hoạt động làm nghề	Số khẩu	Tổng số lao động của hộ	Lao động có tham gia làm nghề	Trong đó		Chữ ký xác nhận của chủ hộ
					Lao động làm chuyên	Lao động làm nghề thời vụ	
1							
2							
3							
4							
5							
6							
...							

Ghi chú: Báo cáo định kỳ của Làng nghề không phải lấy chữ ký của chủ hộ.

**XÁC NHẬN CỦA UBND XÃ,**  
(PHƯỜNG).....

**ĐẠI DIỆN LÀNG**  
(Trưởng thôn ký, ghi rõ họ tên)

**CHỦ TỊCH**  
(Ký ghi rõ họ tên, đóng dấu)

**Phụ lục 03**

**Mẫu báo cáo kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh của làng**  
(Ban hành kèm theo Quyết định số /2015/QĐ-UBND ngày tháng năm 2015  
của Ủy ban nhân dân tỉnh)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày.....tháng.....năm 20...

**BÁO CÁO**

**Kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh của làng.....**

Kính gửi: UBND xã (phường).....

- Tên làng.....:

- Địa chỉ:.....

- Ngành nghề sản xuất, kinh doanh:.....

Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh của làng.....

.....từ 02 năm trở lại đây theo một số nội dung chủ yếu dưới đây:

1. Nêu tóm tắt sự biến động số hộ trong làng tham gia hoạt động nghề của làng.
2. Tình hình số lượng lao động của làng tham gia hoạt động nghề.
3. Các loại sản phẩm chủ yếu và số lượng sản phẩm mà nghề của làng sản xuất qua từng năm.
4. Giá bán bình quân của sản phẩm trên thị trường.
5. Thị trường tiêu thụ chính sản phẩm của làng nghề (trong tỉnh, trong nước và nước ngoài).
6. Thu nhập bình quân của một hộ trong làng/1 năm trong đó thu nhập từ làm nghề 1 năm.
7. Thu nhập bình quân của một lao động trong làng/1 năm, trong đó thu nhập từ hoạt động làm nghề/1 năm.
8. Vốn cho hoạt động làm nghề của làng.
9. Công nghệ đang áp dụng làm nghề.
10. Công tác bảo vệ môi trường.
11. Các khoản phải đóng góp từ hoạt động làm nghề đối với địa phương (nếu có).....

**XÁC NHẬN CỦA UBND XÃ,  
(PHƯỜNG).....**

**ĐẠI DIỆN LÀNG**  
(Trưởng thôn ký, ghi rõ họ tên)

**CHỦ TỊCH**

(Ký ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ghi chú: Hộ cá thể có thể sử dụng biểu mẫu này.

## Phụ lục 04

### Mẫu đơn đề nghị công nhận làng nghề

(Ban hành kèm theo Quyết định số /2015/QĐ-UBND ngày tháng năm 2015  
của Ủy ban nhân dân tỉnh)

### ĐƠN ĐỀ NGHỊ

### Công nhận nghề truyền thống (làng nghề, làng nghề truyền thống)

Kính gửi: UBND xã (Phường).....

Căn cứ Nghị định số 66/2006/NĐ-CP ngày 07/7/2006 của Chính Phủ về phát triển ngành nghề nông thôn và Thông tư 116/2006/TT-BNNPTNT ngày 18/12/2006 của Bộ Nông nghiệp & PTNT về hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định 66/2006/NĐ-CP;

Căn cứ Quyết định số.../201../QĐ-UBND ngày tháng năm 201..của UBND tỉnh Hà Nam về việc ban hành Quy định công nhận và quản lý nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống trên địa bàn tỉnh Hà Nam;

Sau quá trình hình thành, phát triển nghề và triển khai xây dựng theo các tiêu chí làng nghề; Làng.....tự xét thấy đã đạt được những tiêu chí về làng nghề gồm:

1. Số hộ tham gia làm nghề là.....hộ, chiếm.....% tổng số hộ của làng.
2. Giá trị sản xuất (hoặc doanh thu), thu nhập từ nghề.....của làng .....trong 2 năm liên tiếp gần đây:
  - + Năm.....: Giá trị sản xuất (hoặc doanh thu) thực hiện đạt.....triệu đồng, chiếm.....% tổng giá trị sản xuất (hoặc doanh thu) của làng; thu nhập từ nghề đạt.....triệu đồng, chiếm.....% tổng thu nhập của làng.
  - + Năm.....: Giá trị sản xuất (hoặc doanh thu) thực hiện đạt.....triệu đồng, chiếm.....% tổng giá trị sản xuất (hoặc doanh thu) của làng; thu nhập từ nghề đạt.....triệu đồng, chiếm.....% tổng thu nhập của làng.
3. Các sản phẩm chủ yếu của làng.....là:.....

4. Làng.....sản xuất nghề theo quy định của pháp luật, có tổ chức và hoạt động xã hội về nghề và chấp hành đầy đủ các quy định hiện hành về chính sách của Nhà nước và vệ sinh môi trường.

Làng .....đề nghị UBND các cấp và cơ quan có liên quan xem xét, công nhận:

- Tên làng.....
- Thuộc xã (phường):.....
- huyện (TP):.....
- Làm nghề:.....

Là làng đạt Nghề truyền thống (làng nghề hoặc làng nghề truyền thống)/.

XÁC NHẬN CỦA UBND XÃ,  
(PHƯỜNG).....

ĐẠI DIỆN LÀNG  
(Trưởng thôn ký, ghi rõ họ tên)

### CHỦ TỊCH

(Ký ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ghi chú: Hộ cá thể có thể sử dụng biểu mẫu này.

**Phụ lục 05**  
**Mẫu Biên bản đánh giá các tiêu chí làng nghề**  
**của Ủy ban nhân dân xã/phường**  
(Ban hành kèm theo Quyết định số /2015/QĐ-UBND ngày tháng năm 2015  
của Ủy ban nhân dân tỉnh)

**UBND xã (phường).....**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày.....tháng.....năm 20...

**BIÊN BẢN**  
**Đánh giá các tiêu chí Nghề truyền thống**  
**(làng nghề hoặc làng nghề truyền thống)**

Căn cứ Quyết định số.../201..../QĐ-UBND ngày tháng năm 201..của UBND tỉnh Hà Nam về việc ban hành Quy định công nhận và quản lý nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống trên địa bàn tỉnh Hà Nam;

Sau khi nhận được Đơn đề nghị công nhận nghề truyền thống (làng nghề, làng nghề truyền thống) của làng.....thuộc xã (phường)..... huyện(TP).....ngày.....tháng.....năm 201...;

Hôm nay, ngày.....tháng.....năm 201... UBND xã (phường).....tiến hành đánh giá các tiêu chí Nghề truyền thống (làng nghề hoặc làng nghề truyền thống) của:

- Làng.....;
- Thuộc xã (Phường).....; huyện (TP).....;
- Làm nghề.....

Các thành viên tham gia đánh giá:

1. Ông/Bà:.....Chức vụ:.....
2. Ông/Bà:.....Chức vụ:.....
3. Ông/Bà:.....Chức vụ:.....
- 4.....

Sau khi khảo sát, đánh giá quá trình hình thành, phát triển của làng .....UBND xã (phường) đã thống nhất kết quả dưới đây:

1. Số hộ tham gia làm nghề là.....hộ, chiếm.....% tổng số hộ của làng.

2. Giá trị sản xuất (hoặc doanh thu, hoặc thu nhập) từ nghề.....của làng .....2 năm liên tiếp.

+ Năm .....giá trị sản xuất (hoặc doanh thu, hoặc thu nhập); Thực hiện đạt.....triệu đồng, chiếm .....% tổng giá trị sản xuất (hoặc doanh thu, hoặc thu nhập) của làng.

+ Năm .....giá trị sản xuất (hoặc doanh thu, hoặc thu nhập); Thực hiện đạt.....triệu đồng, chiếm .....% tổng giá trị sản xuất (hoặc doanh thu, hoặc thu nhập) của làng.



3. Các sản phẩm chủ yếu của nghề.....là:.....

4. Làng nghề.....sản xuất theo đúng quy định của pháp luật, có tổ chức và hoạt động xã hội về nghề.....đảm bảo chấp hành đầy đủ các quy định hiện hành về chính sách của nhà nước và vệ sinh môi trường, đạt (hoặc không đạt) các tiêu chí công nhận làng nghề.

Biên bản được lập thành vào hồi.....ngày.....tháng.....năm.....

Các thành viên tham gia họp đều nhất trí và ký tên vào biên bản.

Biên bản được lập thành.....bản có giá trị pháp lý như nhau, trong đó có 06 bản để lập hồ sơ gửi UBND huyện (TP).

**ĐẠI DIỆN  
HỘ LÀM NGHỀ**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

**TRƯỞNG THÔN**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

**TM. UBND XÃ (PHƯỜNG)**  
(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

.....

**CHỦ TỊCH (HOẶC PHÓ CHỦ  
TỊCH) UBND XÃ (PHƯỜNG)**

**Phụ lục 06**

**Mẫu Tờ trình đề nghị xét, công nhận Làng nghề**  
(Ban hành kèm theo Quyết định số /2015/QĐ-UBND ngày tháng năm 2015  
của Ủy ban nhân dân tỉnh)

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
XÃ (PHƯỜNG).....**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:...../TTr-UBND

....., ngày.....tháng.....năm 20...

**TỜ TRÌNH**

**Về việc công nhận Làng .....thuộc xã (phường).....  
Huyện (TP)..... có Nghề truyền thống (là làng nghề  
hoặc làng nghề truyền thống)**

Kính gửi: Ủy ban nhân dân huyện (TP).....

Căn cứ Nghị định số 66/2006/NĐ-CP ngày 07/7/2006 của Chính Phủ về phát triển ngành nghề nông thôn và Thông tư 116/2006/TT-BNNPTNT ngày 18/12/2006 của Bộ Nông nghiệp & PTNT về hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 66/2006/NĐ-CP;

Căn cứ Quyết định số.../201../QĐ-UBND ngày tháng năm 201..của UBND tỉnh Hà Nam về việc ban hành Quy định công nhận và quản lý nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống trên địa bàn tỉnh Hà Nam;

Căn cứ Biên bản đánh giá các tiêu chí Nghề truyền thống (làng nghề hoặc làng nghề truyền thống) ngày.....tháng.....năm..... (Biên bản của xã (phường));

UBND xã (phường).....kính đề nghị UBND huyện (TP) tổng hợp đề nghị UBND tỉnh Hà Nam công nhận Nghề (làng nghề).....thuộc xã (phường).....huyện (TP).....tỉnh Hà Nam là Nghề truyền thống (làng nghề hoặc làng nghề truyền thống)/.

**Nơi nhận:**

- UBND huyện (TP);
- .....
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ (PHƯỜNG)  
CHỦ TỊCH**

## Phụ lục 07

**Mẫu biên bản đánh giá các tiêu chí làng nghề của UBND huyện (TP)**  
(Ban hành kèm theo Quyết định số /2015/QĐ-UBND ngày tháng năm 2015  
của Ủy ban nhân dân tỉnh)

ỦY BAN NHÂN DÂN  
HUYỆN(TP) .....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

....., ngày.....tháng.....năm 20...

### BIÊN BẢN

#### **Đánh giá các tiêu chí Nghề truyền thống (làng nghề hoặc làng nghề truyền thống)**

Căn cứ Quyết định số.../201..../QĐ-UBND ngày tháng năm 201..của UBND tỉnh Hà Nam về việc ban hành Quy định công nhận và quản lý nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống trên địa bàn tỉnh Hà Nam;

Sau khi nhận được Văn bản đề nghị công nhận nghề truyền thống (làng nghề, làng nghề truyền thống) của UBND xã (phường)..... ngày...tháng.....năm.....;

Hôm nay, ngày.....tháng.....năm....., UBND huyện(TP).....tiến hành đánh giá các tiêu chí Nghề truyền thống (làng nghề hoặc làng nghề truyền thống) của:

- Làng.....
- Thuộc xã(Phường).....; huyện(TP).....

Các thành viên tham gia đánh giá:

1. Ông/Bà:.....Chức vụ:.....
2. Ông/Bà:..... Chức vụ:.....
3. Ông/Bà:..... Chức vụ:.....
4. Ông/Bà:.....Chức vụ: Đại diện Lãnh đạo UBND xã.
5. Ông/ Bà:.....Chức vụ: Trưởng làng sản xuất nghề.
6. Ông/ Bà:.....Chức vụ: Đại diện hộ làm nghề.
7. Ông/ Bà:.....Chức vụ:.....

Sau khi khảo sát, đánh giá quá trình hình thành, phát triển của làng, UBND huyện (TP) thống nhất kết quả dưới đây:

1.Số hộ tham gia làm nghề là.....hộ, chiếm.....% tổng số hộ của làng.

2. Giá trị sản xuất (hoặc doanh thu, hoặc thu nhập) từ nghề.....của làng.....2 năm liên tiếp.

+ Năm.....giá trị sản xuất (hoặc doanh thu, hoặc thu nhập):  
Thực hiện đạt.....triệu đồng, chiếm.....% tổng giá trị sản xuất (hoặc doanh thu, hoặc thu nhập) của làng.

+ Năm.....giá trị sản xuất (hoặc doanh thu, hoặc thu nhập):  
Thực hiện đạt.....triệu đồng, chiếm.....% tổng giá trị sản xuất (hoặc doanh thu, hoặc thu nhập) của làng.

3. Các sản phẩm chủ yếu của làng .....là

4. Làng .....sản xuất theo đúng quy định của pháp luật, có tổ chức và hoạt động xã hội về nghề.....đảm bảo chấp hành đầy đủ các quy định hiện hành về chính sách của nhà nước và vệ sinh môi trường. Làng.....đã đạt (hoặc không đạt) các tiêu chí công nhận làng nghề.

UBND huyện (TP) thống nhất (hoặc không thống nhất) đạt danh hiệu nghề truyền thống (hoặc làng nghề truyền thống).

Biên bản được lập vào hồi.....ngày.....tháng.....năm.....

Các thành viên tham gia họp đều nhất trí và ký tên.

Biên bản được lập thành.....bản có giá trị pháp lý như nhau. Trong đó UBND xã (phường) 01 bản, 05 bản lập hồ sơ gửi UBND tỉnh./.

**TM. UBND XÃ (PHƯỜNG)**  
(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

**TM. UBND HUYỆN (TP)**  
(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

**ĐẠI DIỆN HỘ LÀM NGHỀ**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

**TRƯỞNG THÔN**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

**Phụ lục 08**  
**Mẫu Tờ trình đề nghị xét, công nhận Làng nghề**  
(Ban hành kèm theo Quyết định số /2015/QĐ-UBND ngày tháng năm 2015  
của Ủy ban nhân dân tỉnh)

**ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN(TP)..... CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: /TTr-UBND ..... , ngày ....tháng ....năm 201..

**TỜ TRÌNH**  
**Về việc công nhận Nghề truyền thống**  
**(làng nghề hoặc làng nghề truyền thống)**

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam.

Căn cứ Nghị định số 66/2006/NĐ-CP ngày 07/7/2006 của Chính phủ về phát triển ngành nghề nông thôn và Thông tư 116/TT-BNNPTNT ngày 18/12/2006 của Bộ Nông nghiệp & PTNT về hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 66/2006/NĐ-CP;

Căn cứ Quyết định số.../201../QĐ-UBND ngày tháng năm 201..của UBND tỉnh Hà Nam về việc ban hành Quy định công nhận và quản lý nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống trên địa bàn tỉnh Hà Nam;

Căn cứ Biên bản đánh giá các tiêu chí Nghề truyền thống (làng nghề, làng nghề truyền thống) ngày tháng năm 201 (Biên bản của huyện có hồ sơ kèm theo);

UBND huyện(TP).....đề nghị Sở Nông nghiệp & PTNT Hà Nam thẩm định và trình UBND tỉnh Hà Nam xét công nhận nghề (làng nghề), xã (Phường)....., huyện (TP).....tỉnh Hà Nam là nghề truyền thống (làng nghề, làng nghề truyền thống).

**Nơi nhận:**

- Như kính gửi;
- Sở NN&PTNT;
- Lưu: VT.

**TM.ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN (TP)**  
**CHỦ TỊCH**